

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2024/HC-ST
Ngày: 18 - 6 - 2024
V/v khiếu kiện quyết định hành
chính về quản lý Nhà nước trong
lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Trinh

Ông Đào Văn Sáng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Khang là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Mai Chăm - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2024/TLST-HC ngày 19 tháng 02 năm 2024, về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2024/QĐXXST-HC ngày 21 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Ngô D, sinh năm 1962; Địa chỉ: Khu phố C, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; Địa chỉ liên hệ: Số F N, phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Minh H, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số F N, phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (Văn bản ủy quyền ngày 04/12/2023).

- Người bị kiện: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Công T – Giám đốc

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Anh T1 – Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đ

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chi nhánh Văn phòng Đ

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Anh T1 – Giám đốc.

2. Ủy ban nhân dân thành phố P

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Nguyễn Hoàng T2 – Chủ tịch.

3. Bà Trần Thị B, sinh năm 1966; Địa chỉ: Khu phố C, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Minh H, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số F N, phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (Văn bản ủy quyền ngày 04/12/2023).

Tại phiên tòa, có mặt bà Phạm Thị Minh H; còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Ngô D và bà Phạm Thị Minh H là người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô D, bà Trần Thị B trình bày:

Ông Ngô D nộp hồ sơ tại bộ phận nhận kết quả của Chi nhánh Văn phòng Đ để đăng ký xóa nợ tiền sử dụng đất thuộc thửa đất 15, tờ bản đồ số 2, diện tích 915,9 m², mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị, với số tiền nợ 4.442.481.360 đồng tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 210593 do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp cho ông Ngô D, bà Trần Thị B ngày 02/4/2019. Ông D đã nộp đầy đủ khoản nợ trên cho Nhà nước theo các Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước số 0045903 ngày 23/9/2019 và số 0005.000170 ngày 27/11/2023.

Ngày 04/12/2023, ông D nhận được Thông báo số 1767/TB-CNVPĐKĐĐPT ngày 01/12/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đ về việc hoàn trả hồ sơ trả nợ tiền sử dụng đất của ông Ngô D, bà Trần Thị B. Nội dung Thông báo: “... *thửa đất ông, bà đăng ký xóa nợ tiền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số CQ210593 được Ủy ban nhân dân thành phố P ký cấp ngày 02/04/2019 thuộc thửa đất số 15, tờ bản đồ số 02, diện tích 1017.7 m², đất ở đô thị và đất trồng cây lâu năm tại khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Qua kiểm tra, phần diện tích đất ở tại đô thị được phép chuyển mục đích tại Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 27/02/2019 của ông, bà có nguồn gốc chuyển mục đích sử dụng đất không đúng quy hoạch (quy hoạch trồng cây lâu năm) theo Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 tại Quyết định số 3200/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh B đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.*

Sau khi cơ quan chức năng có thẩm quyền có ý kiến chỉ đạo liên quan đến các nội dung vướng mắc nêu trên, Chi nhánh Văn phòng cũng sẽ thông báo lại cho ông, bà biết và cùng phối hợp thực hiện”.

Việc Chi nhánh Văn phòng Đ hoàn trả hồ sơ không thực hiện xóa nợ theo quy định là không đúng. Ông D đã nộp đủ tiền nợ tiền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai, nên ông D đương nhiên được xóa nợ ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng Chi nhánh Văn phòng Đ có Thông báo số 1767/TB-CNVPĐKĐĐPT ngày 01/12/2023 không thực hiện xóa nợ là trái quy định pháp luật; làm hạn chế các quyền của người sử dụng đất như quyền chuyển nhượng, thế chấp, tặng cho quyền sử dụng đất của người sử dụng đất.

Vì vậy, ông D nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Hủy Văn bản số 1767/TB-CNVPĐKĐĐPT ngày 01/12/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đ về việc hoàn trả hồ sơ trả nợ tiền sử dụng đất của ông Ngô D và bà Trần Thị B.

2. Buộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B và Chi nhánh Văn phòng Đ thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

Người bị kiện Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B có ý kiến tại Văn bản số 629/VPĐKĐĐ-ĐKCG ngày 11/3/2024:

Đối với vụ kiện của ông Ngô D, Chi nhánh Văn phòng Đ đã có Văn bản số 2019/CNVPĐKĐĐPT-TTTL ngày 04/3/2024 cung cấp ý kiến và toàn bộ hồ sơ, tài liệu cho Tòa án. Văn phòng Đăng ký đất đai không có hồ sơ, tài liệu nào khác ngoài hồ sơ, tài liệu mà Chi nhánh Văn phòng Đ đã cung cấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chi nhánh Văn phòng Đ có ý kiến tại Văn bản số 2019/CNVPĐKĐĐPT-TTTL ngày 04/3/2024:

Ngày 28/11/2023, Chi nhánh Văn phòng Đ có tiếp nhận hồ sơ biến động trả nợ tiền sử dụng đất của ông Ngô D và bà Trần Thị B tại Biên nhận số 2023-19711/TNHS.

Ông Ngô D và bà Trần Thị B đăng ký trả nợ tiền sử dụng đất đối với thửa đất số 15, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.017,7 m² gồm 915,9 m² đất ở tại đô thị và 101,8 m² đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất tại khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 210593 do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp ngày 02/4/2019.

Qua rà soát hồ sơ thì phần diện tích đất ở tại đô thị của thửa đất số 15, tờ bản đồ số 2 theo Giấy chứng nhận số CQ 210593 có nguồn gốc được chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng cây lâu năm thành đất ở tại đô thị theo Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 27/02/2019 nhưng không phù hợp quy hoạch sử dụng đất theo Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 tại Quyết định số 3200/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Do đó, Chi nhánh Văn phòng thực hiện theo nội dung chỉ đạo tại Thông báo số 387/TB-UBND ngày 02/7/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố P, Chi nhánh Văn phòng đã có Công văn số 4046/CNVPĐKĐĐPT ngày 20/7/2020 về việc xin ý kiến Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh liên quan đến đất chuyển mục đích trước đây chưa đảm bảo theo quy định. Đến ngày 03/9/2020, Chi nhánh Văn phòng nhận được Văn bản phúc đáp của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh số 1981/VPĐKĐĐ-ĐKCG ngày 31/8/2020 có ý kiến như sau: *“Liên quan đến nội dung vướng mắc của Chi nhánh Văn phòng Đ, Ủy ban nhân dân thành phố P đã có Báo cáo số 275/BC-UBND ngày 04/8/2020 báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh V tình hình thực hiện và khắc phục các sai phạm trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai, trật tự xây dựng theo Kết luận Thanh tra số 1696KL-UBND ngày 16/5/2019 của Chủ*

tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến chỉ đạo liên quan đến các nội dung vướng mắc theo đề xuất của Ủy ban nhân dân thành phố P thì thực hiện theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh”.

Đồng thời, ngày 22/3/2023, Chi nhánh Văn phòng có Công văn 2120/CNVPĐKĐĐPT gửi đến Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B và Ủy ban nhân dân thành phố P về việc báo cáo xin ý kiến chỉ đạo liên quan đến chuyển mục đích sai quy hoạch sử dụng đất theo Quyết định số 3200/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh B (nằm ngoài danh sách 132 trường hợp).

Ngày 30/11/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Công văn số 4721/UBND-KT về việc ý kiến về nội dung báo cáo và đề nghị của Sở T3 tại Công văn số 5523/STNMT-CCQLĐĐ ngày 20/11/2023: “...3. *Giao Sở T3 căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các quy định pháp luật về đất đai và văn bản hướng dẫn thi hành, có văn bản hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện các thủ tục đất đai theo đúng quy định.*”

Như vậy, hiện nay Chi nhánh Văn phòng vẫn chưa nhận được ý kiến chỉ đạo giải quyết hồ sơ của cấp có thẩm quyền liên quan đến vướng mắc các trường hợp hồ sơ đã chuyển mục đích chưa đảm bảo theo quy định. Do đó, ngày 01/12/2023, Chi nhánh Văn phòng ban hành Thông báo số 1767/TB-CNVPĐKĐĐPT về việc hoàn trả hồ sơ trả nợ tiền sử dụng đất của ông Ngô D và bà Trần Thị B. Sau khi các cấp có thẩm quyền có ý kiến chỉ đạo liên quan đến các nội dung vướng mắc của Chi nhánh Văn phòng thì Chi nhánh Văn phòng sẽ thông báo lại cho ông Ngô D và bà Trần Thị B được biết và phối hợp thực hiện giải quyết hồ sơ theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân thành phố P có ý kiến tại Văn bản số 2119/UBND-KSTTHC ngày 09/4/2024:

Thửa đất mà ông Ngô D đăng ký xóa nợ tiền sử dụng đất thuộc thửa đất số 15, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.017,7 m² (trong đó đất ở tại đô thị: 915,9 m² và đất trồng cây lâu năm: 101,8 m²), tọa lạc tại khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 210593, số vào sổ cấp GCN: CH 04092 do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp ngày 02/4/2019 cho ông Ngô D và bà Trần Thị B có nguồn gốc từ Giấy chứng nhận số BD 051183 do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp ngày 11/11/2010 cho ông Ngô D và bà Trần Thị B.

Liên quan đến nội dung này, ngày 27/02/2019, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 1029/QĐ-UBND về việc cho phép ông Ngô D và bà Trần Thị B được chuyển mục đích sử dụng đất (theo Giấy chứng nhận số BD 051183 do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp ngày 11/11/2010 cho ông Ngô D và bà Trần Thị B). Theo nội dung Quyết định cho phép ông Ngô D và bà Trần Thị B được chuyển sang sử dụng vào mục đích đất ở tại đô thị với diện tích 915,9 m² (vị trí được thể hiện tại Mảnh chính lý thửa đất số 15, tờ bản đồ số 02 (212455-4) do Chi nhánh Văn phòng Đ ngày 23/11/2018).

Tại Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 27/02/2019 của Ủy ban nhân dân

thành phố P về việc cho phép ông Ngô D và bà Trần Thị B được chuyển mục đích sử dụng đất thì trong phần cơ sở pháp lý căn cứ vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của thành phố P đã được Ủy ban nhân dân tỉnh B phê duyệt tại Quyết định số 870/QĐ-UBND ngày 03/4/2018.

Qua đối chiếu vị trí khu đất cho chuyển mục đích (vị trí được thể hiện tại Mạnh chính lý thửa đất số 15, tờ bản đồ số 02 (212455-4) do Chi nhánh Văn phòng Đ ngày 23/11/2018) với Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của thành phố P đã được Ủy ban nhân dân tỉnh B phê duyệt tại Quyết định số 870/QĐ-UBND ngày 03/4/2018, thì vị trí khu đất xin phép chuyển mục đích sử dụng đất thuộc quy hoạch đất sinh hoạt cộng đồng.

Căn cứ Điều 52 Luật Đất đai năm 2013 thì việc Ủy ban nhân dân thành phố P cho phép ông Ngô D và bà Trần Thị B chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở đô thị tại Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 27/02/2019 là không phù hợp với Kế hoạch sử dụng đất và không đúng quy định của pháp luật.

Ngày 01/12/2023, Chi nhánh Văn phòng Đ có Thông báo số 1767/TB-CNVPĐKĐĐPT về việc thông báo kết quả hoàn trả hồ sơ trả nợ tiền sử dụng đất của ông Ngô D và bà Trần Thị B.

Do đó, đối với nội dung mà ông Ngô D yêu cầu Tòa án hủy Thông báo số 1767/TB-CNVPĐKĐĐPT ngày 01/12/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đ về việc thông báo kết quả hoàn trả hồ sơ trả nợ tiền sử dụng đất của ông Ngô D và bà Trần Thị B và buộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B, Chi nhánh Văn phòng Đ thực hiện đúng nhiệm vụ, công vụ được giao không thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố P, vì Chi nhánh Văn phòng Đ là đơn vị trực thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B – Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính; Tuyên hủy Thông báo số 1767/TB-CNVPĐKĐĐPT ngày 01/12/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đ; Buộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B, Chi nhánh Văn phòng Đ thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật và buộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, ông Ngô D, bà Trần Thị B vắng mặt nhưng có mặt người đại diện theo ủy quyền; vắng mặt người đại diện hợp pháp của người bị kiện Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi nhánh Văn phòng Đ (đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện), Ủy ban nhân dân thành phố P, nhưng tất cả đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này như đề nghị của Kiểm

sát viên và những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 và khoản 2 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về đối tượng khởi kiện và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 02/4/2019, Ủy ban nhân dân thành phố P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 210593 cho ông Ngô D, bà Trần Thị B thừa đất số 15, tờ bản đồ số 2, diện tích 1017,7 m², mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị (915,9 m²) và đất trồng cây lâu năm (101,8 m²); Nhà nước cho nợ tiền sử dụng đất với số tiền 4.442.481.360 đồng.

Vợ chồng ông Ngô D, bà Trần Thị B đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất tại các Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước số 0045903 ngày 23/9/2019 và số 0005.000170 ngày 27/11/2023. Sau khi thực hiện nghĩa vụ đóng tiền sử dụng đất cho Nhà nước, vào ngày 28/11/2023, vợ chồng ông D, bà B nộp hồ sơ để cập nhật biến động trả nợ tiền sử dụng đất.

Đến ngày 01/12/2023, Chi nhánh Văn phòng Đ ra Thông báo số 1767/TB-CNVPĐKĐĐPT về việc hoàn trả hồ sơ Đăng ký trả nợ tiền sử dụng đất của ông Ngô D, bà Trần Thị B.

Xét thấy Thông báo số 1767/TB-CNVPĐKĐĐPT ngày 01/12/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đ là quyết định hành chính, nên ngày 04/12/2023, ông Ngô D nộp đơn khởi kiện yêu cầu hủy Thông báo số 1767/TB-CNVPĐKĐĐPT này và Tòa án thụ lý giải quyết theo thủ tục tố tụng hành chính là đúng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính; và việc khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về nội dung quyết định hành chính bị khiếu kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo Thông báo số 1767/TB-CNVPĐKĐĐPT ngày 01/12/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đ về việc hoàn trả hồ sơ trả nợ tiền sử dụng đất của ông Ngô D, bà Trần Thị B, với lý do: Việc chuyển mục đích không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và đang chờ ý kiến xử lý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Tuy nhiên, Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 27/02/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc cho phép ông Ngô D, bà Trần Thị B được chuyển mục đích sử dụng 915,9 m² đất trồng cây lâu năm sang đất ở tại đô thị, đến nay không có bất kỳ văn bản nào của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kết luận việc cho chuyển mục đích sử dụng đất theo Quyết định này là không đúng quy định của pháp luật và hủy bỏ Quyết định này. Mặt khác, việc trả lại hồ sơ Đăng ký biến động của Chi nhánh Văn phòng Đ tại Văn bản số 1767/TB-CNVPĐKĐĐPT ngày 01/12/2023, nhưng Chi nhánh Văn phòng Đ không viện dẫn được căn cứ pháp lý nào.

Theo quy định tại điểm c và d khoản 5 Điều 1 Nghị định số 79/2019/NĐ-CP ngày 26/10/2019 thì sau khi hoàn thành việc thanh toán nợ tiền sử dụng đất thì hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ gồm Giấy chứng nhận (bản gốc), chứng từ nộp tiền sử dụng đất (bản gốc) tại Văn phòng Đăng ký đất đai để xóa nợ tiền sử dụng đất ghi

trên Giấy chứng nhận. Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm rà soát, đối chiếu hồ sơ để thực hiện xóa nợ tiền sử dụng đất ghi trên Giấy chứng nhận và trả lại Giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân ngay trong ngày làm việc.

Do đó, ông Ngô D khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản số 1767/TB-CNVPĐKĐĐPT ngày 01/12/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đ là hoàn toàn có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận như quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của người khởi kiện được chấp nhận nên người bị kiện Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; điểm c và d khoản 5 Điều 1 Nghị định số 79/2019/NĐ-CP ngày 26/10/2019; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô D:

- Hủy Văn bản số 1767/TB-CNVPĐKĐĐPT ngày 01/12/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đ;

- Buộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B, Chi nhánh Văn phòng Đ thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Buộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa và đương sự vắng mặt tại phiên tòa nhưng có người đại diện hợp pháp, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/6/2024); đương sự vắng mặt tại phiên tòa và không có người đại diện hợp pháp, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh B.Thuận;
- Cục THADS tỉnh B.Thuận;
- Lưu: hồ sơ, THC, Tổ HCTP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thái

